TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG Đ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/2022/QĐST- HNGĐ	*Quảng Điền, ngày 23 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phan Đình T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn Mậu Tài, xã Phú Mậu, tHnh phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trương Thị H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn Thuỷ Điền, xã Quảng THnh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 04 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mậu Tài, huyện Phú Vang (nay tHnh phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 14/04/2010. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh T, chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Do đó, anh T và chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H xác nhận có 02 con chung Phan Trương H My, sinh ngày 25/04/2011 và Phan Trương Đình N A, sinh ngày 19/02/2016. Cháu M có nguyện vọng muốn ở với chị H nên khi ly hôn anh T, chị H đã thoả thuận giao cháu My cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng tHnh (đủ 18 tuổi); giao cháu Nam Anh cho anh T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng tHnh (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng và chị đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh (ngày 15 tháng 11 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Phan Đình T và chị Trương Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan Trương H My, sinh ngày 25/04/2011 cho chị TrươngThị H trực trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng tHnh (đủ 18 tuổi); giao cháu Phan Trương Đình Nam Anh, sinh ngày 19/02/2016 cho anh Phan Đình T trực trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng tHnh (đủ 18 tuổi).

Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Đình T và chị Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng và chị H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002211 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi Hnh án dân sự năm 2014 thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi Hnh án dân sự năm

2014; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T T Huế;*
- *VKSND huyện Quảng Đ;*
- *THADS huyện Quảng Đ;*
- *UBND xã Phú Mậu, TP H;*
- *(ĐKKH ngày 14/04/2010)*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Lê Tuyết Linh